

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự**

**Định hướng: Nghiên cứu**

**Mã số: 8380101.03**

*(Ban hành theo Quyết định số 831/QĐ-ĐHQGHN, ngày 23 tháng 3 năm 2019  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật hình sự và tố tụng hình sự
  - + Tiếng Anh: Criminal Law and Criminal Procedure Law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.03
- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật
  - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ luật chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức lí luận toàn diện, chuyên sâu và hiện đại về khoa học pháp lí hình sự, có năng lực, kĩ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kĩ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở bậc thạc sĩ về



- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực luật hình sự và tố tụng hình sự;

- Nhóm 3: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật);

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

## 6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>64 tín chỉ</b> , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	<b>08 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>36 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i> :	<b>16 tín chỉ</b>
+ <i>Tự chọn</i> :	<b>20/40 tín chỉ</b>
- Luận văn thạc sĩ:	<b>20 tín chỉ</b>

### 2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	35	15	10	
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>Basic Russian</i>					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>Basic French</i>					
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>Basic German</i>					

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>Basic Chinese</i>					
<b>II</b>	<b>Khởi kiến cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>36</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>		<b>16</b>				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal research methods</i>	2	18	6	6	
4	CRL6020	Những vấn đề hiện đại về Luật hình sự <i>Modern issues on Criminal Law</i>	3	27	9	9	
5	CRL6021	Những vấn đề hiện đại về Luật tố tụng hình sự <i>Modern issues on Criminal Procedure Law</i>	3	27	9	9	
6	CRL6022	Lí luận về tội phạm <i>The theories on Crimes</i>	2	18	6	6	
7	CRL6023	Lí luận và thực tiễn về định tội danh và quyết định hình phạt <i>Theory and practice of determining the crimes and sentences</i>	2	18	6	6	
8	CRL6024	Quyền con người trong tư pháp hình sự <i>Human rights in the Criminal Justice</i>	2	18	6	6	
9	CRL6025	Chứng minh trong tố tụng hình sự <i>Proof in criminal proceedings</i>	2	18	6	6	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>		<b>20/40</b>				
10	CRL6026	Lí luận về trách nhiệm hình sự và hình phạt <i>The theory on Criminal liability and sentences</i>	3	27	9	9	
11	CRL6027	Những vấn đề chuyên sâu về Tội phạm học <i>The intensive issues on Criminology</i>	2	18	6	6	
12	CRL6028	Lí luận về các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự <i>The theory on the acquittal measures in Criminal Law</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
13	CRL6029	Lí luận về xét xử vụ án hình sự <i>The theory on Criminal Adjudication</i>	2	18	6	6	
14	CRL6030	Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự <i>The preventive measures in Criminal Procedure</i>	2	18	6	6	
15	CRL6031	Các nguyên tắc của Luật hình sự Việt Nam <i>The principles of Vietnam Criminal law</i>	2	18	6	6	
16	CRL6045	Luật hình sự so sánh <i>Comparative Criminal Law</i>	2	18	6	6	
17	CRL6033	Các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự Việt Nam <i>The principles of Vietnam Criminal Procedure</i>	2	18	6	6	
18	CRL6046	Luật hình sự trong lĩnh vực kinh tế-môi trường <i>Economic Crime and Environmental Crime in Criminal Law</i>	2	18	6	6	
19	CRL6035	Các chủ thể của tố tụng hình sự <i>The subjects of Criminal proceedings</i>	3	27	9	9	
20	CRL6036	Kiểm soát xã hội đối với tội phạm <i>Social control of crime</i>	2	18	6	6	
21	CRL6037	Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam <i>Protecting individual freedom and security by Vietnam Criminal Law</i>	2	18	6	6	
22	CRL6038	Chính sách pháp luật thi hành án hình sự <i>Policies on Criminal judgements enforcement law</i>	2	18	6	6	
23	CRL6047	Luật tố tụng hình sự so sánh <i>Comparative Criminal Procedure Law</i>	2	18	6	6	
24	CRL6040	Tòa án hình sự quốc tế <i>International Criminal Court</i>	2	18	6	6	
25	CRL6041	Các giai đoạn tố tụng hình sự <i>Stages of criminal procedure</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
26	CRL6042	Những vấn đề lí luận và thực tiễn về khởi tố vụ án hình sự <i>Theory and practice of criminal institution</i>	2	18	6	6	
27	CRL6043	Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự <i>International Cooperation in Criminal Proceedings</i>	2	18	6	6	
28	CRL6044	Những vấn đề lí luận cơ bản về hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền <i>Fundamental theories of criminal justice system in the period of building State of Rules</i>	2	18	6	6	
<b>III</b>	<b>CRL7201</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>	<b>20</b>				
<b>Tổng cộng</b>			<b>64</b>				

**Ghi chú:** (\*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.